

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2025/DS-ST

Ngày 21 – 5 – 2025

V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phan Tuyết M, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Huỳnh Đ, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023 dương lịch, bà Phan Tuyết M mở nhiều dây hụi, loại hụi tháng và vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Huỳnh Đ tham gia chơi 10 dây hụi do bà làm chủ. Việc mở hụi có lập danh sách hụi viên nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương và trong quá trình giao dịch hụi, do vợ chồng ông L không đóng hụi đầy đủ nên ngày 29/6/2024, bà Đ có viết biên nhận nợ số tiền hụi là 300.000.000 đồng. Đến ngày 05/9/2024, bà Đ tiếp tục viết biên nhận nợ tiền hụi là 200.000.000 đồng và từ ngày 15/9/2024 đến ngày mãn các dây hụi trên vợ chồng ông L còn nợ thêm số tiền 83.000.000 đồng, tổng số tiền tính đến mãn hụi vợ chồng ông L còn nợ bà M là 583.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2024, bà khởi kiện đòi số tiền nợ trên và tại phiên hòa giải ngày 25/3/2025, vợ chồng ông L thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà số tiền nợ hụi là 583.000.000 đồng. Đồng thời, cam kết mỗi tháng trả 50.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 25/4/2025 dương lịch nên bà rút đơn khởi kiện và được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 25/3/2025. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận xong thì bà phát hiện việc vợ chồng ông L chuyển nhượng đất, bà có đến gặp vợ

chồng ông L đề yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông L không trả nên bà không đồng ý với cam kết trả nợ của vợ chồng ông L tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2025. Đến ngày 11/4/2025, bà nộp đơn khởi kiện ông L, bà Đ yêu cầu trả số tiền nợ hui nêu trên. Nay tại phiên tòa, bà yêu cầu ông L, bà Đ cùng có trách nhiệm trả một lần cho bà hết số tiền nợ 583.000.000 đồng (năm trăm tám mươi ba triệu đồng). Ngoài ra, bà M không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Huỳnh Đ (bị đơn), Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng bà Đ cùng ông L không đến Tòa cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hui. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hui, tuy có lập danh sách hui viên nhưng không đăng ký với chính quyền địa phương và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian chơi hui, số chân hui bị đơn tham gia, số kỳ hui chết bị đơn đã đóng, thời gian ngưng đóng hui cũng như số tiền hui bị đơn còn nợ nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự trong khi trong danh sách hui viên thể hiện bị đơn có tham gia chơi hui do nguyên đơn mở trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023 dương lịch.

Mặc dù, bị đơn không đến Tòa, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án nhưng tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2025 do Tòa án lập, bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền hui là 583.000.000 đồng nên biên bản này được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án. Tuy trong nội dung biên bản hòa giải, bị đơn có thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp được chứng cứ thể hiện sau khi hòa giải bị đơn có tiền từ việc chuyển nhượng tài sản nhưng không trả tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn không đồng ý thực hiện theo cam kết trả nợ được thỏa thuận tại phiên hòa giải mà khởi kiện đến Tòa án là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hơn nữa, bị đơn cũng có viết biên nhận nợ tiền hui của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn nợ tính đến khi mãn hui với tổng số tiền 583.000.000 đồng (năm trăm tám mươi ba triệu đồng) là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về thời gian thanh toán, tuy nguyên đơn có yêu cầu nhưng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, do nguyên đơn là người cao tuổi và đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Tuyết M.

Buộc bà Nguyễn Huỳnh Đ, ông Nguyễn Văn L trả cho bà Phan Tuyết M tổng số tiền hui còn nợ là 583.000.000 đồng (năm trăm tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phan Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án bà Nguyễn Huỳnh Đ và ông Nguyễn Văn L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Huỳnh Đ cùng ông Nguyễn Văn L phải nộp số tiền án phí là 27.320.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Phan Tuyết M không phải chịu. Ngày 11/4/2025, bà M đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không hoàn lại.

Nguyên đơn cóa mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân